

GIẢI MÃ BÀI THƠ *BÀI HỌC ĐẦU CHO CON* TỪ THAO TÁC CỦA KÍ HIỆU HỌC

TS HỒ VĂN HẢI*

ThS NGUYỄN THỊ THU HẰNG**

1. Người ta biết đến Đỗ Trung Quân nhờ vào một số bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc của ông như *Hương Tràm* - 1978, (Vũ Hoàng phổ nhạc), *Chút Tình Đầu* - 1988 (Vũ Hoàng phổ nhạc, lấy tên là *Phượng Hồng*), *Bài Học Đầu Cho Con* - 1986 (Giáp Văn Thạch phổ nhạc, lấy tên là *Quê hương*). *Bài học đầu cho con* được sáng tác để tặng cho cô bé 1 tuổi, nhưng nó đã nhanh chóng lan truyền ra bên ngoài và trở nên nổi tiếng. Viết cho trẻ thơ mà làm xao động cả tâm hồn người lớn. Bài thơ là một văn bản đa thông điệp: bản nhật kí những kỉ niệm tuổi thơ lung linh sắc nắn; ngọn nguồn của tâm hồn, của nhân cách; ngọn nguồn của tình yêu quê hương, đất nước và cuộc đời. Trong đó, thông điệp nào đóng vai trò chủ đạo, làm nên giá trị bất tử của bài thơ là điều thu hút sự quan tâm của rất nhiều độc giả yêu mến thi ca.

Từ góc nhìn của ngôn ngữ học, *Bài học đầu cho con* được xem là một hệ thống kí hiệu phức tạp chứa đựng nhiều bí mật hấp dẫn:

Quê hương là gì hả mẹ

Mà cô giáo dạy hãy yêu?

Quê hương là gì hả mẹ

Ai đi xa cũng nhớ nhiều?

(1) *Quê hương là chùm khế ngọt*

Cho con trèo hái mỗi ngày

(2) *Quê hương là đường đi học*

Con về rợp bướm vàng bay

(3) *Quê hương là con diều biếc*

Tuổi thơ con thả trên đồng

(4) *Quê hương là con đò nhỏ*

Êm đềm khua nước ven sông

(5) *Quê hương là cầu tre nhỏ*

Mẹ về nón lá nghiêng che

(6) *Là hương hoa đồng cỏ nội*

Bay trong giấc ngủ đêm hè

(7) *Quê hương là đêm trăng tỏ*

Hoa cau rụng trắng ngoài thềm

(8) *Tiếng ếch râm ran bờ ruộng*

Con nằm nghe giữa mưa đêm

(9) *Quê hương là bàn tay mẹ*

Dịu dàng hái lá mồng tơi

(10) *Bát canh ngọt ngào tỏa khói*

Sau chiều tan học mưa rơi

.....

*, ** Đại học Sài Gòn.

(11) *Quê hương là vàng hoa bí*

Là hồng tím giậu mồng tơi

Là đỏ đôi bờ dâm bụt

Màu hoa sen trắng tinh khôi

Quê hương mỗi người đều có

Vừa khi mở mắt chào đời

(12) *Quê hương là dòng sữa mẹ*

Thơm thơm giọt xuống bên nôi

(13) *Quê hương mỗi người chỉ một*

Như là chỉ một mẹ thôi

(14) *Quê hương nếu ai không nhớ*

...

Sẽ không lớn nổi thành người

(Dòng cuối cùng do người biên tập thêm vào khi xuất bản bài thơ lần đầu).

2. Thoạt nghe, bài thơ khá đơn giản, *quê hương* là: *chùm khế; đường đi học; con diều; con đò; cầu tre...*

Ngẫm kĩ mới thấy đằng sau những con chữ tưởng như hết sức bình thường đó lại chứa đựng những bí mật lớn lao. Quê hương hiện thân trong những thứ bình dị thân thương nhưng hàm chứa nhiều ý nghĩa nhân sinh sâu sắc và cao cả. Ý tứ bài thơ khá đơn giản nhưng lại không đơn điệu. Những giá trị lẽ thường và triết lí, quen và lạ, dễ và khó, gần gũi mà xa xôi song hành tồn tại và quyện hòa vào nhau. Chúng là ma lực tạo cho bài thơ sức hút kì lạ đối với bất kì ai muốn khám phá những giá trị sâu lắng ẩn chứa đằng sau những con chữ vô cùng quen thuộc.

Bài học đầu cho con được chứa đựng trong cái khung thi phẩm khá giản dị:

Hỏi (con)	→	Đáp (mẹ)	→	Dặn (mẹ)
-----------	---	----------	---	----------

Đầu tiên là con hỏi mẹ: *quê hương là gì... mà cô giáo dạy hãy yêu?; quê hương là gì... ai đi xa cũng nhớ?...* Câu hỏi lấy lại, xoáy sâu vào một điểm (*quê hương là gì?*) của đứa bé tưởng chừng đơn giản, ngây thơ và rất đáng yêu đã khiến cho người mẹ thoáng chút lúng túng. Quê hương là gì mà cô dạy *hãy yêu* và *ai đi xa* cũng *thấy nhớ*? Sau phút đắn đo, người mẹ thật thông minh khi dùng những hình ảnh vô cùng quen thuộc và cụ thể để giảng giải cho con hiểu một điều phức tạp, trừu tượng. Lời đáp dài ra thành một chuỗi và kết thúc bằng một lời dặn ân tình. Lời dặn đó, lạ thay lại ứng nghiệm với tất cả mọi người. Nó là

chân lí giản dị nhưng vô cùng thiêng liêng (*quê hương nếu ai không nhớ...*). Cũng có lẽ vì vậy mà bài thơ có sức lan toả ghê gớm, thăng hoa thành bài ca từ mỗi trái tim và trong mọi trái tim.

3. Với 9 liên khúc (khổ thơ) được xây dựng theo lối định nghĩa nhằm đồng nhất hoá cái so sánh với cái được so sánh, ý nghĩa của bài thơ từng bước được mã hoá một cách triệt để qua 14 đẳng thức (ĐT). Từng kí hiệu của bản mật mã tưởng chừng như rất giản dị, quen thuộc lại chứa đựng những ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Thông thường, nhà nghệ sĩ ngôn từ tìm cách cất giấu những giá trị to lớn trong những hình thức kì vĩ. Đỗ Trung Quân đã làm điều

ngược lại. Có lẽ ông muốn chiếc chìa khoá kia phải mở được các cánh cửa bí mật một cách thật dễ dàng. Đơn giản vì người dùng nó là con trẻ! Cả bài thơ là một hệ thống hình ảnh của thế giới trẻ thơ lung linh huyền diệu được đặt rất khéo vào trong khuôn khổ của phép so sánh đẳng thức. *Quê hương là gì...? Quê hương là chùm khế ngọt; là đường đi học; là con diều biếc...* Từ một điểm nhìn khác, các so sánh này được xây dựng theo nguyên lí đa diện, đa chiều nên ý nghĩa của chúng vừa đơn giản lại vừa sâu xa. Thử diễn nôm một dòng thơ ta có: *quê hương (là) con diều - biếc - (con) thả - trên đồng - (vào lúc) tuổi (còn) thơ*. Theo đó *quê hương* không chỉ là *con diều* mà là *con diều biếc* đầy màu sắc tâm trạng. Cánh diều ấy chao liệng (*thả*) trong một không gian cực kì thoáng đãng, rộng lớn (*trên đồng*) của trò chơi con trẻ (*tuổi thơ*). Nếu lấy mô hình so sánh tu từ ra để xem xét ([a - cái so sánh] - [c - cơ sở so sánh] - [d - từ so sánh] - [b - cái được so sánh]), ta có (a) *Quê hương - là* (c-d) - *con diều* (b) - *biếc* (b1) - *Tuổi thơ con thả trên đồng* (b2). Trong đó a là một ẩn số cần được giải mã thông qua việc giải mã b. Nếu b là một phức thể (thường được thiết kế bằng cấu trúc bao nhau) thì người tiếp nhận không được đồng nhất cấu trúc ý nghĩa với trật tự tuyến tính của câu chữ đã được nhà thơ nhào nặn theo cách thể hiện rất riêng của mình. Xét một cách tương đối, ta có thể thấy, b1 bổ sung ý nghĩa trực tiếp cho b; b2 bổ sung ý nghĩa trực tiếp cho b-b1 (trong đó b2 lại là một phức thể: [b2.1 - *thả*] - [b2.2 - *trên đồng*] - [b2.3 - *tuổi thơ*]). Trong

cấu trúc so sánh đẳng thức (từ so sánh là hệ từ là), cơ sở so sánh ẩn giấu ngay trong từ so sánh. Vì vậy, người tiếp nhận cần phải tự mình xác định cơ sở so sánh thông qua vốn sống thực tế (phù hợp với đối tượng) để nhận thức giá trị biểu đạt của cấu trúc. Bài thơ tuy được sáng tác để dành tặng cho con trẻ nhưng ý tứ vô cùng sâu sắc. Cơ sở so sánh (hay còn gọi là cái hạn định) không đơn giản như *ngôi - bao nhiêu* (số lượng) trong *Qua đình ngả nón trông đình - Đình bao nhiêu ngôi thương mình bấy nhiêu*. Bài học đầu cho con được xây dựng nên từ 13 tiểu hệ thống liên kết với nhau tạo thành một chuỗi kí hiệu. Chuỗi kí hiệu này là hệ thống lớn nhất chứa đựng những giá trị biểu đạt tinh vi và phức tạp. Lần theo các cấu trúc định dạng ý nghĩa trong từng đẳng thức, ta có thể tiến sâu hơn vào các tầng bậc ý nghĩa của bài thơ.

Trong lời nói mở đầu mộc mạc, chỉ một từ *hãy* thay cho *phải* đã là một sự khác biệt lớn. Nó thể hiện lời *khuyên* nhẹ nhàng của cô giáo (từ sự trải nghiệm) mà không phải là một ép buộc. Vì thế, những câu trả lời tiếp theo đều chứa đựng những giá trị nằm ngay trong chính cuộc sống cá nhân đối tượng tiếp nhận cuộc thoại. Ba đẳng thức mở đầu, *quê hương* được định vị ở kí ức của những hoạt động và trò chơi con trẻ. Vì vậy, những hình ảnh thơ ở đây hết sức quen thuộc.

ĐT (1) và (2): [*Quê hương* (a)] là (c-d) - [*chùm khế* (b) *ngọt* (b1) - *Cho con trèo hái mỗi ngày* (b2)]; [*Quê hương* (a)] là (c-d) - [*đường* (b) *đi học* (b1) - *Con về rợp bướm vàng bay* (b2)].

Cấu trúc của b trong ĐT 1 được tác giả xây dựng bằng những thuộc tính thông thường của quả khế: *ngọt, hái mỗi ngày*. Sự lựa chọn đầu tiên này khá đặc biệt. Quả khế trong đời sống và kí ức dân gian chứa đựng biết bao nỗi niềm (có khi là thứ rẻ mạt, bỏ đi: *Thân em như khế trong chùa - Cho không lấy, bán không mua - Thằng cu nó dại nó thấy của chua nó đòi; thứ gia vị không thể thiếu đối với khẩu vị của một số người: người ưa cá đồng nấu khế, kẻ ưa cá bể nấu măng; có khi là một thứ rất giản dị nhưng không kém thanh tao, khó với: Thân em như khế trong chùa - Kẻ qua người lại ai thấy của chua cũng thèm*). Trong cấu trúc của b, hai bổ ngữ [*chùm khế* (b) *ngọt* (b1) - *Cho con trèo hái mỗi ngày* (b2)] hạn định rất khéo cái được so sánh trên một số thuộc tính hết sức phù hợp. Nếu tạm thời tách ra, ta sẽ có một cấu trúc so sánh đơn diện. Trong cấu trúc đó, ý thơ thực sự đơn giản mộc mạc như nghĩ suy của những con người lam lũ cùng ruộng đồng. Tuy nhiên, những điều không được tác giả nhắc tới phía sau cấu trúc so sánh đã vô tình đánh thức trong ta cả một miền kí ức. Âm ảnh dư vị của thứ cây trái đồng quê ít khi đem bán ấy đã gợi ra rất nhiều liên tưởng. Nơi miền quê bình lặng, chùm khế ngọt cho những đứa trẻ một thú vui nho nhỏ mỗi ngày. Khi lớn lên, rời xa miền quê ấy, những kỉ niệm cũ lại sống dậy bồi hồi, rung rung. Cùng với ĐT (1), ĐT (2) đã tạm thời lấp đầy hai niềm vui của con trẻ: niềm vui khi ở nhà và niềm vui khi vừa mới rời xa sách vở. Trong cấu trúc của b, hai bổ ngữ [*đường* (b) *đi học* (b1) - *Con về rọp bướm vàng bay*

(b2)] liên kết với nhau trong tương quan đối lập (*đi và về*). Cũng chỉ là con đường ấy, nhưng đối với mỗi cô cậu học trò thì đi và về lại khác nhau trời vực. Con đường tan học với bao nhiêu sự căng thẳng dồn nén phút chốc qua đi nhường chỗ cho một sự tự do tuyệt đối. Sắc nắng lung linh, rập rờn của cánh bướm ủa theo từng bước chân rong ruổi. Khác với *chùm khế ngọt* mà *con trèo hái mỗi ngày*, con đường tan học là lối đi về của những trò chơi hái hoa, bắt bướm. Con đường đó đọng lại muôn vàn ấn tượng sâu đậm, có sức gợi cảm lớn, làm sống lại tâm hồn trẻ thơ ngay cả khi ta đã là người lớn.

ĐT (3) và (4) Quê hương được cảm nhận bằng sự rung động của tâm hồn và dư vị của những hình ảnh trực giác mang màu sắc cảm xúc: [*Quê hương* (a)] - là (c-d) - [*con diều* (b) - *biếc* (b1) - *Tuổi thơ con thả trên đồng* (b2)]; [*Quê hương* (a)] là (c-d) - [*con đò* (b) *nhỏ* (b1) - *Êm đềm khua nước ven sông* (b2)]. Cấu trúc của b trong ĐT (3) chứa đựng hai bổ ngữ [*con diều* (b) - *biếc* (b1) - *Tuổi thơ con thả trên đồng* (b2)] được cấu tạo bằng những hình ảnh vừa hiện thực vừa biểu trưng. Trong b1, thuộc tính *biếc* rất khó xác định của con diều (*xanh biếc, tím biếc...*) là cách gọi của màu sắc tâm trạng. Đến b2, hình ảnh rất thực nhưng có khả năng gợi liên tưởng rộng. Con diều chao liệng trên không trung với hai thuộc tính diều vọi phiêu bồng theo áng phù vân và bất định trong không trung đồng nhất với những ước mơ bay bổng diệu kì, những ước mơ nhiều khi xa vời, không có thực

nhưng lại vô cùng đẹp đẽ, mà lớn lên rồi - với đầu óc duy lí - ta không bao giờ vờn tới được (cho dù đó là sản phẩm của sự tưởng tượng). ĐT (4) đã có một sự chuyển biến. Từ *con điều biếc* đến *con đò nhỏ* (êm đềm khua nhẹ mái chèo trên sông quê) là cả một sự phát triển. Tuổi thơ quen thuộc với cánh điều, đó là điều dễ hiểu. Nhưng tuổi thơ cảm nhận được con đò dọc bé tí như một chiếc lá tre vô tình rụng xuống dòng sông đang khua nhịp êm đềm trôi xuôi mới là điều đáng nói. Dòng sông nối tiếp những cánh đồng, rồi làng mạc thanh thanh vất lên ngọn khói lam chiều đang trong giấc ngủ say, con đò trôi êm như một nét điểm xuyết làm cho bức tranh quê bớt đi vẻ cô liêu. Nó trở nên sống động hơn, thơ mộng hơn. Trong cấu trúc so sánh này, cái được so sánh chuyển dần sang hình ảnh về không gian bình dị, bình yên của nông thôn nhưng giàu chất liên tưởng. Không phải là bến đò nơi người ta tiễn biệt nhau, chia li, lưu luyến mà là con đò *êm đềm khua nước*. Mái chèo chậm chậm ven sông gợi đến sự sống bình yên nhưng không kém phần thơ mộng. Một cảm xúc sâu lắng đang trào dâng trong lòng người ngắm cảnh.

ĐT (5) và (6): [*Quê hương* (a)] - là (c-d) - [*câu* (b) *tre-nhỏ* (b1) - *Mẹ về nón lá nghiêng che* (b2)]; [θ (a)] θ (c-d) - [*hương* (b) *hoa đồng cỏ nội* (b1) - *Bay trong giấc ngủ đêm hè* (b2)]. Thành tố b của ĐT 5 là kết quả của một liên kết tổng thể (từ *con đò* đến *câu tre*). *Cây câu* bằng *tre* lại *nhỏ*, yếu, chơ vơ khiến nó thêm phần *lắt lẻo*. Điều đó khiến cho dáng mẹ dường

như mềm mại hơn, uốn theo sự lung lay của những thân tre gầy. Nón lá cầm tay che nghiêng vì thẹn thùng ai đó hay do tư thế của người phụ nữ dò bước trên chiếc *câu tre nhỏ*? Cho hay, câu trả lời vẫn còn để ngỏ. Chỉ biết rằng lớn lên, hình ảnh đó đọng lại dư vị rất lạ trong ta khi liên tưởng đến gò má ửng đỏ trong vành nón làm duyên của cô thiếu nữ: *Nón nghiêng nghiêng cũng nửa chừng - Khuất sau non nửa vầng trăng - má đào*. Nếu đặt trong sợi dây liên kết với đẳng thức thứ 4 thì cách hiểu thứ 2 mới hợp lô gích. Người thiếu phụ khéo léo mềm mại nghiêng theo chiều cân bằng trên cây cầu yếu được bắc bằng những thân tre đọng lại trong lòng đưa trẻ kị ức về một hình ảnh đẹp. Nó xua đi cái cứng rắn, thô mộc thường thấy trong công việc đồng áng hàng ngày. Vì vậy, hình ảnh thơ ở trên đã tạo ra trong lòng người đọc những cảm xúc ngọt ngào sâu lắng. Trong ĐT (6), a và c-d không hiện ra bằng câu chữ cụ thể (θ): [θ (a)] θ (c-d) - [*hương* (b) *hoa đồng cỏ nội* (b1) - *Bay trong giấc ngủ đêm hè* (b2)]. Bằng cách này, tác giả đã làm cho mạch liệt kê trở nên nhanh hơn, liền mạch hơn. Hương hoa cỏ đồng nội không ngào ngạt, kiêu sa như những bông hoa chôn phổ phường đô hội. Hoa cỏ đồng làng mùi thơm dịu nhẹ, mang cả cái ngai ngái nồng nàn của bùn, của đất. Vì vậy, sau một ngày đổ lửa của mùa hè oi nồng, đêm về trời dịu lại, mùi hương hoa cỏ càng làm cho giấc ngủ trở nên say nồng hơn. Ở những vị trí cốt lõi của chuỗi tín hiệu, ta thấy có sự cạnh tranh về năng lực xuất hiện rất rõ: *đêm hè* được thay cho *trưa hè*. Những thuộc tính

cảm tính của *huong* (được hạn định lần thứ nhất bằng *hoa - đồng cỏ nội*) *bay* cả vào *giấc ngủ - đêm hè* (hạn định lần thứ hai thông qua thao tác trừu tượng hóa và năng lực liên tưởng về một cái gì đó đẹp đến lung linh rất khó nắm bắt)...Phải chăng *hoa đồng cỏ nội* đã ghim vào tâm thức nên trong cơn mơ của giấc ngủ say nồng, nó mới hiện về với một hình hài cụ thể.

ĐT (7) và (8): [*Quê hương* (a)] - là (c-d) - [*đêm* (b) - *trăng tỏ* (b1) - *Hoa cau rụng trắng ngoài thềm* (b2)]; [*θ* (a)] *θ* (c-d) - [*Tiếng ếch* (b) *râm ran bờ ruộng* (b1) - *Con nằm nghe giữa mưa đêm* (b2)]. Trong ĐT (7), thành tố b tiếp tục được phát triển theo hướng gợi trường liên tưởng về một không gian thơ mộng... Ai đã từng sống những năm tháng tuổi thơ ở nông thôn Việt Nam mới hiểu sự chờ đợi, sự khát khao tuần trăng quý giá trong những tháng hè của trẻ thơ đến mức nào. Tạm rời xa sách vở, ngày làm lụng vất vả, đêm thỏa thích vui chơi. Đêm trăng tỏ cũng là thời điểm trăng tròn chiếu từ chập tối đến sáng. Theo cách tính của dân gian, *mồng một lưỡi trai, mồng hai lá lúa, mồng ba câu liêm, mồng bốn lưỡi liềm, mồng năm liềm giật, mồng sáu thật trắng*. Tuy nhiên, trong những ngày này, đêm vừa buông xuống thì trăng cũng sắp sửa lặn, ánh sáng yếu ớt, mờ nhạt. Cho đến khi *mười rằm trăng náu* (chập tối đã có trăng nhưng đến gần sáng thì trăng đã lặn), *mười sáu trăng treo* (trăng xuất hiện từ chập tối cho đến sáng, cường độ ánh sáng mạnh nhất), *mười bảy say giường chiếu* (bắt đầu chuẩn bị đi ngủ thì trăng mới mọc), *mười tám trấu nám* (tính từ chập tối,

trấu giữ lửa trong bếp bắt đầu vàng thì trăng lên), *mười chín trấu rịn* (tính từ chập tối, trấu giữ lửa trong bếp đã cháy một phần thì trăng lên), *hai mươi giấc tốt* (ngủ được một giấc dài trăng mới mọc), *hai mốt nửa đêm* (nửa đêm trăng mới mọc). Cứ như thế mà tính thì những đêm trăng tỏ thuận cho con trẻ chơi đùa chẳng được là bao. Khi thì vừa tối trăng đã tàn, khi thì mọc quá khuya, không đủ sức chống lại cơn buồn ngủ và thói quen tụ tập từ đầu hôm của lũ trẻ. Cả tháng may ra chỉ có một vài đêm vui trọn vẹn. Tuy nhiên, *đêm trăng tỏ* ở đây không gắn với các trò *dung dăng dung dè* thường thấy mà là sự cảm nhận những bông *hoa cau rụng nơi thềm vắng*. Có lẽ những bông hoa đó đã gợi lên một cái gì đó rất bình yên, diễm tình mà con trẻ mãi sau này khi thành người lớn, biết rung động với tình yêu mới gọi được thành tên. Sự kết nối của b1... Đẳng thức 8 trở lại với nhịp điệu dòn dập của phương thức tính lược và liệt kê: [*θ* (a)] *θ* (c-d) - [*Tiếng ếch* (b) *râm ran bờ ruộng* (b1) - *Con nằm nghe giữa mưa đêm* (b2)]. Trong ĐT (8), thành tố b được xây dựng bằng những hình ảnh thơ rất mực giản dị. Nó chân chất, mộc mạc như chính con người nông thôn hay sự thơ ngây rất đáng yêu của con trẻ. *Những cơn mưa rào đầu mùa hạ (trong tuyết lập hạ) nói giấc chiêm bao đứt quãng* (chữ nghĩa của Nguyễn Tuân) gọi *tiếng ếch râm ran*. Giữa những tiếng kêu gọi bạn của ếch nhái, con trẻ như đang trong một cái trở mình, thao thức, nao nao.

ĐT (9) và (10): [*Quê hương* (a)] là (c-d) - [*bàn tay* (b) *mẹ* (b1) - *Dịu dàng hái lá mồng tơi* (b2)]; [*θ* (a)] *θ*

(c-d) - [*Bát canh* (b) *ngọt ngào tỏa khói* (b1) - *Sau chiều tan học mưa rơi* (b2)]. Trong 2 ĐT trên, thành tố b được tạo lập từ những kí hiệu chuyển từ sự quan sát bức tranh thôn quê đến các hoạt động sống quen thuộc trong phạm vi hẹp: gia đình (chỉ mẹ với con). Hai ĐT liên kết với nhau một cách chặt chẽ bởi các kí hiệu gợi nhớ những cảm xúc về không khí gia đình, tình mẫu tử giản dị. Sau khi đội gió đội mưa, chân tay cồng buốt, vượt quãng đường xa về nhà, chỉ bát canh *tỏa khói* chiều lạnh cũng đủ làm cho lòng con ấm lại.

ĐT (11) và (12): [*Quê hương* (a)] là (c-d) - [θ (b) *vàng hoa bí* (b1) - *hồng tím giậu mồng tơi* (b2) - *đỏ đôi bờ dâm bụt* (b3) - *hoa sen trắng tinh khôi* (b4)]; [θ (a)] là (c-d) - [*dòng sữa* (b) *mẹ* (b1) - *Thơm thơm giọt xuống bên nôi* (b2)]. Trong ĐT (11), thành tố b được tạo lập bằng 4 định tố liên hoàn: [θ (b) *vàng hoa bí* (b1) - *hồng tím giậu mồng tơi* (b2) - *đỏ đôi bờ dâm bụt* (b3) - *hoa sen trắng tinh khôi* (b4)]. Màu sắc rất riêng của từng loài hoa trong vườn, bờ rào, lối cổng, ao sâu đã tạo nên một ấn tượng đậm nét trong tâm hồn trẻ thơ. ĐT (12): [θ (a)] là (c-d) - [*dòng sữa* (b) *mẹ* (b1) - *Thơm thơm giọt xuống bên nôi* (b2)]. Thành tố b là một hình ảnh hết sức đặc biệt: những giọt sữa chỉ *giọt xuống bên nôi* khi trong lòng người mẹ đang ngập tràn tình yêu thương đối với đứa con bé bỏng của mình. Điều này, phải đến khi thành người lớn, người con mới thấu hiểu được.

ĐT (13) và (14): [*Quê hương* (a)] θ (c-d) - [θ (b) *Mỗi người chỉ một* (b1) -

Như là chỉ một mẹ thôi (b2)]; [*Quê hương* (a)] θ (c-d) - [θ (b) *nếu ai không nhớ* (b1) - *Sẽ không lớn nổi thành người* (b2)]. Xét về mặt cấu trúc, ĐT (13) và (14) đột ngột đi ra ngoài quỹ đạo chung. Hệ từ *là* biến mất nhường chỗ cho sự hiện diện đầy đủ của c-d (*mỗi người chỉ một*). Đây chính là dấu hiệu của sự khái quát các ĐT đã được đưa ra. Dòng liệt kê đang ào ạt chảy thì bị phanh lại: quê hương được ví như người mẹ sinh ra ta - *chỉ một mẹ thôi*. Dù trong kí ức non nớt không hiểu được cơ sở sinh học của vấn đề này, đứa bé cũng dễ dàng cảm nhận được, *mẹ là nguồn yêu thương vô bờ* (mọi nguồn yêu thương khác đều có giới hạn của nó) và không thể thay thế. ĐT (14) cũng là một lời khẳng định và đồng thời là một lời dặn ân cần mà rất thiêng liêng: nếu (đi xa mà) không thấy nhớ quê hương thì đâu phải là một con người! Đến đây, người nghe thật sự bị bất ngờ khi đang trong tâm trạng mơ màng, bay bổng bởi những hình ảnh quen thuộc thân thương, bỗng cuối bài thơ, một âm thanh nghiêm khắc vang lên nhắc nhở những con người lưu lạc, những con người vong bản.

Qua các định nghĩa, quê hương không còn là cái gì đó mông lung khó hiểu nữa. Nó là dư vị cây trái trong vườn, là con đường tan học đầy ắp những điều thú vị, là cánh điều diệp vơi, là bát canh tỏa khói trong chiều đông lạnh... Đỗ Trung Quân đã khéo léo thiết kế cái được so sánh trong các so sánh tu từ theo lối đẳng thức - một phương thức so sánh rất dễ làm cho hình ảnh thơ trở nên khô cứng. Nhờ sự bung nở của vế b, cái được so sánh

được gắn thêm hàng loạt thuộc tính khiến cho chúng trở nên linh động hẳn lên, các trường liên tưởng trong người đọc vì thế cũng được kích hoạt. Qua phương thức này, nhà thơ đã đưa người đọc đi vào thế giới đời thường với vô số bí mật giản dị một cách xúc động. Các kí hiệu mà nhà thơ thiết kế ở các thành tố b hòa quyện hai sắc thái: *cụ thể* với *trừu tượng*, *trực giác* với *cảm xúc*. Chùm khế, đường đi học, con diều... không chỉ là bản thân chúng nữa mà là những vật thiêng neo đậu kí ức tuổi thơ của mỗi một đời người.

4. Bài thơ mượn hình thức của một cuộc trò chuyện giữa mẹ và con. Vì vậy hình thức đồng dao và cấu trúc so sánh đẳng thức đã giữ cho nó một sự đơn giản cần thiết. Tuy nhiên, nhờ vào tài năng về ngôn ngữ, cộng với

một vốn sống phong phú và tâm hồn giàu cảm xúc, sự đơn giản đã không khiến bài thơ trở nên đơn điệu. Những hình ảnh thơ gần gũi với tâm hồn con trẻ hiện ra lung linh với tất cả các khía cạnh tiềm ẩn của nó. Bài thơ do đó đã mở rộng đối tượng sở hữu: không chỉ là của trẻ thơ mà còn là của người lớn. Ngay cả những tâm hồn cần cỗi nhất cũng phải xao động với hai tiếng *quê hương*. Vậy, chính quê hương đã tạo ra tâm hồn, nhân cách cho mỗi con người. Để làm được điều này, Đỗ Trung Quân đã phải dùng đến nghệ thuật của sự vô thức, một thứ nghệ thuật siêu đẳng: nghệ thuật của trái tim. Minh chứng cho nhận định này là mô hình khái quát được nhận ra từ các thao tác phân tích ngôn ngữ:

Đối thoại

→

Tâm tình

→

Tự tình

Cái khung thi phẩm là một cuộc hỏi - đáp biến thành một cuộc tâm tình, một cuộc tự tình. 3 cấp độ của cuộc thoại được lồng vào nhau để tạo nên linh hồn và thể chất của bài thơ. *Bài học đầu cho con* vừa là thơ, vừa là nhạc. Giai điệu của lòng người vang mãi cùng tiếng hát ngân nga. Từ góc nhìn của kí hiệu học, *quê hương* đã được hoạt hoá năng lực biểu đạt. Từ một tên gọi bình thường trở thành một tiếng gọi con tim và hơn thế nữa là "mạch tâm linh trong sạch vô ngần" (chữ dùng của Nguyễn Duy) của cả một cộng đồng dân tộc. Bài thơ mãi mãi làm thổn thức lòng người, đưa ta tới cõi bình yên và tìm lại cho tâm hồn ta, vốn bộn bề những nhịp đời cuộn chảy, một chốn neo đậu vĩnh hằng.

Khác với nhiều bài thơ viết về quê hương đất nước thiêng liêng trong từng tấc đất thấm máu anh hùng nghĩa sĩ, Đỗ Trung Quân đã đi tìm đến tận cùng cái nửa ý nghĩa còn lại của thực thể này. Bài thơ được viết để tặng cho một cháu bé thành thị, lẽ ra, *quê hương* phải là những con phố dài mùa hè phượng cháy, mùa đông liễu rủ, mùa thu lá vàng rơi trên phố. Thế nhưng, tác giả đã gắn khái niệm *quê hương* với những gì thân thuộc nhất chốn đồng nội. Đây là món quà gửi tặng con trẻ hay khúc tự tình? Phải chăng bài thơ chính là nỗi lòng thổn thức không nguôi của những con người vì cuộc mưu sinh phải tạm thời rời xa nơi đồng ruộng. Nếu điều đó đúng thì ta đã có trong tay phần còn lại của câu

trả lời: vì sao ta gắn bó, yêu thương quê hương, đất nước mình đến vậy!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thân, *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, Nxb KHXH, H., 1998.

2. Đỗ Việt Hùng - Nguyễn Thị Ngân Hoa, *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học (Ngôn từ - Tác phẩm - Hình tượng)*. Nxb ĐHSP, H., 2004.

3. Mai Thị Kiều Phượng, *Tín hiệu thẩm mĩ trong ngôn ngữ văn học*, Nxb KHXH, H., 2008.

4. Nguyễn Phan Cảnh, *Ngôn ngữ thơ*, Nxb ĐH&GDCN, H., 1987.

5. Nguyễn Thái Hòa, *Từ điển tu từ - Phong cách thi pháp học*, Nxb GD, H., 2006.

6. Phan Ngọc, *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb trẻ, Tp HCM, 1995.

7. Thụy Khuê, *Cấu trúc thơ*, Nxb Văn nghệ, California, 1996.

8. Trần Văn Tích, *Từ thơ*, T/c Văn học, Số 124.

SUMMARY

The First Lesson to My Child is a very special poem. Since its appearance, it has spreaded quickly, especially when it was set to the song "The Native land". Its special and interesting values could be appraised by people of different ages and different living conditions. With the semiotic approach, we would like to show readers our new findings about the poem which has played an important role in the spiritual life of Vietnamese people.